

Bản án số: 364/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2018

“V/v Ly hôn giữa chị B và anh P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – KSV.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 361/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1986, **nơi cư trú:** Tổ 9, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ 2, ấp Long Thạnh 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Bảo P, sinh năm 1982, **nơi cư trú:** Tổ 9, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Hôn nhân của anh chị là do anh chị tự tìm hiểu

và được cha mẹ hai bên đồng ý nên tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Long Sơn (nay là phường Long Sơn, thị xã Tân Châu). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh P. Trong thời gian chung sống anh chị có 01 đứa con chung tên Trần Thị Bảo D, sinh ngày 14/02/2007. Hiện nay cháu D đang sống với anh P. Khi ly hôn chị B đồng ý để anh P được tiếp tục nuôi con chung và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) và cháu Trần Thị Bảo D cũng có nguyện vọng được sống chung với anh P. Ngoài ra vợ chồng anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B với anh Trần Bảo P; về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Bảo D, sinh ngày 14/02/2007 cho anh Trần Bảo P trực tiếp nuôi dưỡng, chị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ đến khi cháu D trưởng thành và lao động được; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Bảo P, có **noi cư trú** tại tổ 9, khóm Long Thạnh, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Bảo P đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung: Chị B và anh P kết hôn với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung không phù hợp và dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh chị cũng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Từ khi anh chị sống ly thân nhau anh chị cũng không có thiện chí khắc phục những mâu thuẫn gia đình để vợ chồng đoàn tụ và kể từ ngày chị B nộp đơn xin ly hôn với anh P cho đến nay anh P

đã cố tình né tránh không đến tòa án để tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử cũng đã động viên chị B tạo điều kiện cho anh P để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn với anh P. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ vào Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nghĩ nên cho anh chị được ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị B và anh P có 01 đứa con chung tên Trần Thị Bảo D, sinh ngày 14/02/2007. Hiện nay cháu D đang sống với anh P. Khi ly hôn chị B đồng ý để anh P được tiếp tục nuôi con chung. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay anh P là người trực tiếp nuôi con và cháu D cũng có nguyện vọng được sống chung với anh P. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và vì lợi ích của con HĐXX căn cứ vào các Điều 92, 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nghĩ nên giao con chung cho anh P được quyền nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu D trưởng thành và lao động được. HĐXX xét thấy sự tự nguyện của chị B là hoàn toàn phù hợp pháp luật nên HĐXX công nhận sự tự nguyện mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị B.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B khai vợ chồng không có tài sản chung. Do anh P vắng mặt nên HĐXX không xem xét về tài sản chung của anh chị. Nếu anh P chứng minh được vợ chồng có tài sản chung và nợ chung thì anh P có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trần Bảo P.
2. *Về nuôi con chung*: Giao 01 đứa con chung tên Trần Thị Bảo D, sinh ngày 14/02/2007 cho anh Trần Bảo P trực tiếp nuôi dưỡng.

Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị B mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu D trưởng thành và lao động được.

Anh Trần Bảo P phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho chị B trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Cộng chung chị B phải chịu là 600.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: 0004503 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Như vậy chị B còn phải nộp 300.000đ tiền án phí DSST.

“*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ*”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan

